



kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG

1. Nội dung và đặc điểm nghiệp vụ tín dụng
2. Kiểm soát nội bộ nghiệp vụ tín dụng
3. Mục tiêu kiểm toán
4. Quy trình kiểm toán

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

1. Nội dung và đặc điểm nghiệp vụ tín dụng

1.1 Nội dung nghiệp vụ

1.1.1 Các sản phẩm chính:

- Cho vay khách hàng cá nhân, doanh nghiệp
 - Từng lần, thấu chi, đồng tài trợ, trả góp...
 - Tài trợ thương mại: chiết khấu, bao thanh toán
 - Bảo lãnh...
- Cho vay các TCTD khác

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

1. Nội dung và đặc điểm nghiệp vụ tín dụng

1.1 Nội dung nghiệp vụ

1.1.2 Khách hàng (đối tượng vay)

- Hai hay nhiều thẻ nhân hoặc pháp nhân hoặc công ty đối nhân
- Có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp

Những mối quan hệ phụ thuộc hiện tại có thể cho thấy nếu một trong những KH vay gặp khó khăn về tài chính thì cũng làm cho những KH vay khác gặp khó khăn trong thanh toán.

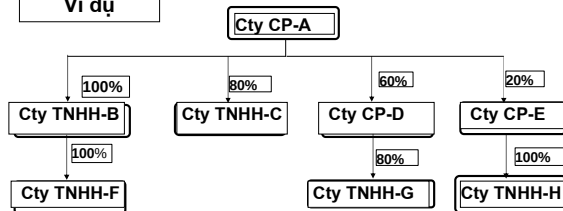
kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

1. Nội dung và đặc điểm nghiệp vụ tín dụng

1.1 Nội dung nghiệp vụ

Ví dụ



Có coi là cùng một khách hàng vay?

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

1. Nội dung và đặc điểm nghiệp vụ tín dụng

1.2. Đặc điểm nghiệp vụ tín dụng

- Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, Số dư cho vay phản ánh theo giá trị thuần
- Ảnh hưởng lớn đến doanh thu
- Mang tính dự đoán cao, rủi ro tiềm tàng cao
- Tính chất ước tính cao trong việc phân loại nợ, xóa nợ và lập dự phòng nợ phải thu khó đòi
- TSDB có giá trị lớn, nhiều loại, xác định giá trị và thanh lý phức tạp

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

2. Kiểm soát nội bộ nghiệp vụ tín dụng

- Các qui định về tổ chức cơ cấu
- Các qui định về tổ chức qui trình
- Các qui định về quan hệ với khách hàng tín dụng
- Các quy định về sử dụng chương trình tín dụng trên máy tính
- Các quy định hoạt động của các đơn vị trung gian và bộ phận tham mưu
- Chất lượng của cán bộ tín dụng
- Các hệ thống xếp loại khách hàng

kiemtoanNH-honghoa

4 QUY TRÌNH KIỂM TOÁN 4.2 ĐÁNH GIÁ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

Các giai đoạn trong quá trình cấp TD

1. Nhận và duyệt đơn

- ✓ Qui định về thẩm quyền được nhận và duyệt đơn
- ✓ Qui định về việc nhận và duyệt đơn trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ
- ✓ Việc sử dụng các mẫu biểu được tiêu chuẩn hoá
- ✓ Bản xem xét, giải quyết cho vay
- ✓ Những yêu cầu đối với hồ sơ chứng minh khả năng chi trả
- ✓ Những yêu cầu đối với đảm bảo tín dụng
- ✓ Nội dung của mẫu biểu tín dụng
- ✓ Nguyên tắc 4 mắt

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

2. Kiểm soát nội bộ nghiệp vụ tín dụng

Quy trình TD cần phải cài đặt
các chốt kiểm soát sau:

➤ Quá trình xử lý nghiệp vụ phát sinh và giải ngân

- Kiểm soát thủ tục đề nghị vay vốn
- Kiểm soát việc thực hiện tiêu chuẩn cho vay
- Kiểm soát thực hiện phân tích thông tin tín dụng
- Kiểm soát thực hiện hạn mức tín dụng cho vay vốn do các chuyên viên lập ra
- Kiểm soát việc thực hiện quyền phán quyết tín dụng ...



kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

2. Kiểm soát nội bộ nghiệp vụ tín dụng

Quy trình TD cần phải cài đặt
các chốt kiểm soát sau:

Quá trình giám sát tín dụng

- Kiểm soát việc tuân thủ cam kết trả vốn, lãi vay
- Kiểm soát quá trình thẩm tra thường xuyên tình hình tài chính của người vay vốn
- Kiểm soát việc tập hợp các báo cáo về vốn và lãi vay quá hạn...

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

2. Kiểm soát nội bộ nghiệp vụ tín dụng

Quy trình TD cần phải cài đặt
các chốt kiểm soát sau:

➤ Kiểm soát việc thực hiện sự đánh giá và thẩm định định kỳ các nghiệp vụ liên quan

- Tiêu chuẩn lập quỹ dự phòng cho khoản vay quá hạn
- Đánh giá độ an toàn của tài sản thế chấp
- Vấn đề trích trước hay ngưng trích trước đối với tài khoản dự thu lãi cho vay

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

2. Kiểm soát nội bộ nghiệp vụ tín dụng

Quy trình TD cần phải cài đặt
các chốt kiểm soát sau:

Kiểm soát và quản lý rủi ro

- Kiểm soát việc xác định hệ thống hạn mức tín dụng
- Kiểm soát việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân loại KH và việc thực hiện phân loại KH
- Kiểm soát việc xây dựng các phương pháp định lượng RR và cách thức giám sát RR áp dụng trong NH
- Kiểm soát việc chấp hành các nguyên tắc phân quyền



kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

3. Mục tiêu kiểm toán

**Số dư trên BCTC về tín dụng
thỏa mãn các yêu cầu của
cơ sở dữ liệu**

**Bao gồm cả số dư nợ vay trên BCĐKT,
CÁC NGHIỆP VỤ NGOẠI BẢNG
và các khoản thu nhập, chi phí trên BCKQKD**

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.2 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT

4.3 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM CƠ BẢN

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

3.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.1.1 Đánh giá rủi ro tiềm tàng

4.1.2 Đánh giá rủi ro kiểm soát

4.1.2 Phân tích.

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.1.1 Đánh giá rủi ro tiềm tàng

Loại hình cho vay	Rủi ro TT thấp	Rủi ro TT cao
Cho vay thương mại	Số lượng lớn, quy mô vay nhỏ	Số lượng ít với quy mô lớn
Cho vay tiêu dùng	Tăng trưởng chậm và chắc	Tăng trưởng quá nhanh
Bảo lãnh	Các HĐ tương đối đơn giản và dễ hiểu	Các HĐ phức tạp và linh hoạt

**khả năng ảnh hưởng đến cơ sở dữ liệu
của khoản mục trên BCTC**

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.1.2 Đánh giá rủi ro kiểm soát

Quá trình xử lý nghiệp vụ phát sinh và giải ngân

- Hồ sơ không đầy đủ hoặc hợp lệ
- Thất lạc hồ sơ hoặc hồ sơ giả
- Nội dung trên các mẫu biểu được quy định sẵn không phù hợp hoặc bị hiểu sai
- Thông đồng để ghi sai lệch các thông tin liên quan hoặc lợi dụng KH để rút tiền
- Thời gian xử lý không đúng quy định
- Nội dung thẩm định không đầy đủ

Ảnh hưởng CSDL?

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.1.2 Đánh giá rủi ro kiểm soát (TT)

Quá trình xử lý nghiệp vụ phát sinh và giải ngân

- Cấp tín dụng vượt quá thẩm quyền
- Quyết định cho vay, cam kết cho vay (hợp đồng) được lập thiếu chặt chẽ về nội dung, về tiêu chuẩn pháp lý
- Giải ngân không hợp lý, không ghi nhận đầy đủ
- Tổng dư nợ của một KH vượt quá giới hạn cho phép do không có thông tin đầy đủ giữa các bộ phận, chi nhánh

Ảnh hưởng CSDL?

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.1.2 Đánh giá rủi ro kiểm soát (TT)

Quá trình giám sát tín dụng

- Không theo dõi sát việc sử dụng vốn vay hoặc không báo cáo đầy đủ
- Các thông tin liên quan đến khả năng trả nợ của KH không được cập nhật kịp thời nên không thể xử lý khoản vay tốt
- Không theo dõi biến động về giá trị cũng như sự hiện hữu của TSĐB nợ
- Không kịp thời nhắc nhở KH trả nợ gốc, lãi

Ảnh hưởng CSDL?

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.1.2 Đánh giá rủi ro kiểm soát (TT)

Quản lý hồ sơ và lưu giữ tài sản thế chấp

- Hồ sơ không được lưu giữ đầy đủ và khoa học, an toàn
- TSĐB không được quản lý chặt chẽ cả về hiện vật và giá trị

Ảnh hưởng CSDL?

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

Ảnh hưởng CSDL?

4.1.2 Đánh giá rủi ro kiểm soát (TT)

Kiểm soát và quản lý rủi ro

- Quan điểm về nợ xấu không phù hợp dẫn đến phân loại nợ không hợp lý, do đó trích lập DP sai
- Xử lý nợ xấu vượt quá thẩm quyền
- Nợ xấu không được báo cáo kịp thời lên cấp có thẩm quyền và không được theo dõi chặt chẽ sau khi đã phân loại

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.1.2 Phân tích.

Các kết quả hoạt động tổng thể và theo mảng/chi nhánh. Cụ thể:

- So sánh mức độ tăng trưởng tín dụng qua 2 năm và tốc độ tăng thu nhập từ hoạt động
- Đánh giá mức độ tập trung tín dụng qua phân tích tỷ trọng theo các tiêu thức khác nhau: ngành nghề, độ lớn của khoản vay...
- Đánh giá độ lớn trong hoạt động của các chi nhánh qua tỷ trọng...

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.1.2 Phân tích(tt)

- Nợ xấu/Tổng dư nợ
- Dự phòng/Nợ xấu
- Nợ tồn thất/Tổng dư nợ

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

Cơ cấu nghiệp vụ tín dụng

Phân tích.

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

Lựa chọn quy mô kiểm toán căn cứ vào;

- Kết quả đánh giá rủi ro tiềm tàng
- Kết quả đánh giá rủi ro kiểm soát
- Các kết quả phân tích

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.2 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT

Đánh giá cơ cấu tổ chức

Xuất phát điểm: văn bản đề ra yêu cầu thực hiện

Kiểm toán cơ chế

Nếu các quy định và thẩm quyền quyết định

- đầy đủ
- thỏa đáng về mặt nội dung

Kiểm toán chức năng

Các quy định và thẩm quyền có được giữ đúng hay không ?

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.2 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT

Đánh giá tuân thủ quy trình

Xuất phát điểm: văn bản đề ra yêu cầu thực hiện

Kiểm toán cơ chế

Nếu các công đoạn xét duyệt cấp TD được quy định về mặt nội dung theo một trình tự đúng đắn đầy đủ chính xác và hợp lý

Kiểm toán chức năng

Kiểm toán chức năng = Kiểm toán khoản cho vay

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.2 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT

Thực hiện thử nghiệm kiểm soát thông qua đánh giá chương trình vi tính

- ✓ Thử nhập dữ liệu
- ✓ Tính thử tiền lãi
- ✓ Truy xuất thông tin

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.2 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT

Thực hiện thử nghiệm kiểm soát thông qua kiểm tra một số hồ sơ tín dụng

- ✓ THỰC HIỆN PHÒNG VẤN ĐỂ CÓ SỰ HIỂU BIẾT VỀ QUY TRÌNH CẤP TD
- ✓ CHỌN MỘT SỐ HỒ SƠ TÍN DỤNG VÀ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN QUY TRÌNH CẤP TÍN DỤNG
- GIÁM SÁT TÍN DỤNG
- ✓ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THEO DÕI THÔNG TIN CẤP TÍN DỤNG TRÊN HỆ THỐNG MÁY TÍNH - CÁC NỘI DUNG HỒ SƠ LÂM CƠ SỞ CHO VAY VÀ SƠ TIỀN GIẢI NGÂN, THU NỢ, CHUYỂN NỢ XẤU, PHÂN LOẠI NỢ VÀ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.3 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM CƠ BẢN

THỦ TỤC PHÂN TÍCH	MỤC TIÊU
- Phân tích cơ cấu dư nợ	- Lựa chọn lĩnh vực kiểm toán
- Phân tích tỷ lệ nợ xấu/Tổng DN	- Đánh giá tổng quan rủi ro
- Phân tích tỷ lệ Nợ không có khả năng thu hồi/ Tổng nợ xấu	- Đánh giá khả năng giảm tài sản – liên quan đến thanh lý nợ xấu
- Phân tích quan hệ tín dụng của khách hàng	- Đánh giá tính hợp lý của việc trích lập dự phòng

kiemtoanNH-honghoa

Phân tích quan hệ tín dụng

TC \ trả nợ (lãi)	TỐT	KÉM	XẤU
Tốt	đạt 2%	Cần theo dõi 5%	Không đạt 20%
Khá	Cần theo dõi 5%	Không đạt 20%	Không đạt 20%
Trung bình	Không đạt 20%	Không đạt 20%	Nghi ngờ 50%
Kém	Không đạt 20%	Nghi ngờ 50%	Không thể THU HỒI 100%

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4 Quy trình kiểm toán

4.3 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM CƠ BẢN

MỤC TIÊU KT	THỦ TỤC KIỂM TOÁN
- Các khoản nợ vay có thực, phát sinh	- Kiểm tra hợp đồng TD, CT giải ngân. - Xác nhận nợ vay từ các KH vay - Xác minh các khoản vay mới, các khoản vay được phục hồi và các khoản bảo lãnh đồng thời sử dụng các chi tiết của những tài liệu liên quan.
- Các khoản nợ vay được phân loại đúng đắn, ghi nhận chính xác, đầy đủ.	- Đối chiếu TK chi tiết và tổng hợp. - Đối chiếu hồ sơ TD với số liệu TK chi tiết. - Xem xét sự thay đổi trong cơ cấu và giá trị khoản vay

kiemtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4.3 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM CƠ BẢN

4 Quy trình kiểm toán

MỤC TIÊU KT	THỦ TỤC KIỂM TOÁN
- Các khoản nợ vay được đánh giá đúng - Dự phòng được trích lập đúng	- Đối chiếu báo cáo các khoản cho vay được phân loại từ nhóm đủ tiêu chuẩn vào nhóm cần chú ý hoặc có rủi ro cao hơn với báo cáo thoái lãi phải thu phát sinh tương ứng sau đó nhằm xác định ngân hàng có thực hiện đúng kỳ việc tính/ngưng tính lãi dồn tích hay không - Đánh giá phân loại nợ vay - Tính toán việc trích lập dự phòng-đối chiếu với số tiền NH đã trích (Cần có sự hiểu biết về quản lý rủi ro của NH)

kiểmtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4.3 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM CƠ BẢN

4. Quy trình kiểm toán

MỤC TIÊU KT	THỦ TỤC KIỂM TOÁN
- Các khoản nợ vay được đánh giá đúng - Dự phòng được trích lập đúng	- Xem xét sự thay đổi của kỳ hạn - Xem xét các tỷ số và hướng phân tích của các khoản dự phòng tổn thất tín dụng - Xem xét các mức độ của những khoản nợ được xóa, nợ xấu và những dữ liệu liên quan khác để đánh giá tính đầy đủ của khoản dự phòng chung để kiểm soát rủi ro tiềm tàng trong tổng thể - Đối chiếu tỷ lệ nợ xấu và trích lập dự phòng... với tỷ lệ chung của ngành hoặc các ngân hàng tương tự

kiểmtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4.3 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM CƠ BẢN

4. Quy trình kiểm toán

MỤC TIÊU KT	THỦ TỤC KIỂM TOÁN
- Các khoản nợ vay được đánh giá đúng - DP được trích lập đúng (tiếp theo)	- Chọn những khoản vay đặc biệt để xem xét và đánh giá những thông tin sẵn có, xem xét kỹ mỗi người đi vay hay bên đối tác được chọn để kiểm tra khả năng thu được nợ và thảo luận với nhân viên chịu trách nhiệm. -Xác nhận TSĐB và xem xét kỹ những chứng từ đảm bảo, xác nhận quyền của ngân hàng đối với tài sản đảm bảo trong trường hợp khách hàng không thực hiện nghĩa vụ.

kiểmtoanNH-honghoa

KIỂM TOÁN TÍN DỤNG

4.3 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM CƠ BẢN

4. Quy trình kiểm toán

MỤC TIÊU KIỂM TOÁN	THỦ TỤC KIỂM TOÁN
- Thu nhập từ lãi và chi phí liên quan là hợp lý, đầy đủ	- Xem xét phân tích hàng tháng của thu nhập lãi gộp và chi phí lãi bằng cách tham chiếu trên cơ sở tài sản và nguồn vốn cơ bản và lợi nhuận thị trường. -So sánh kết quả thực tế với ngân sách và năm liền trước đó. - Xem xét các khoản giải ngân hoặc tất toán HĐ trước và sau ngày kết thúc niên độ

kiểmtoanNH-honghoa